

BỒI DƯỠNG GIÁO VIÊN TRUNG HỌC PHỔ THÔNG MỘT SỐ TỈNH PHÍA NAM ĐÁP ỨNG YÊU CẦU ĐỔI MỚI CĂN BẢN, TOÀN DIỆN GIÁO DỤC PHỔ THÔNG

ThS. NGUYỄN VĂN TOÀN*

Abstract: For practical basis for secondary teacher training activities, in May 8/2014, we conducted surveys, empirical research on this issue in Ho Chi Minh City, Dong Nai, Ba Ria Vung Tau and Tay Ninh. The results of field surveys shows the reality of the content and fostering upper secondary school teacher, the status of upper secondary school teacher training methods; the forms of organizing teacher retraining currently do not achieve good results, not catch up with the trend of development of education in our country. We came up with some solutions to foster high school teachers to meet the requirements of fundamental and comprehensive renovation of general education Vietnam today.

Keywords: training, teachers, teaching, methods, research, surveys, practical.

1. Đánh giá thực trạng bồi dưỡng (BD) giáo viên (GV) trung học phổ thông (THPT) hiện nay

Để có cơ sở thực tiễn về hoạt động BD tháng 8/2014, chúng tôi tiến hành khảo sát, nghiên cứu thực trạng BD GV THPT đối với 276 cán bộ quản lý (CBQL) cấp: Sở GD-ĐT, Phòng, ban thuộc Sở GD-ĐT, Ban giám hiệu các trường THPT và 865 GV THPT thuộc TP. Hồ Chí Minh, các tỉnh Đồng Nai, Bà Rịa Vũng Tàu, Tây Ninh. Kết quả khảo sát như sau:

1.1. Thực trạng về nội dung BD GV THPT.

Theo chỉ đạo của Bộ GD-ĐT, hàng năm Sở GD-ĐT hướng dẫn các cơ sở giáo dục (GD) xây dựng kế hoạch đào tạo, BD GV. Nội dung BD được xác định: BD nhận thức chính trị, nâng cao phẩm chất, đạo đức nhà giáo; BD chuyên môn, nâng cao năng lực dạy học (DH); BD kĩ năng (KN) sư phạm cho GV; BD đổi mới phương pháp DH; BD nâng cao năng lực sử dụng công nghệ thông tin (CNTT) trong DH và BD nâng cao năng lực sử dụng ngoại ngữ. Tuy nhiên, công tác BD GV nhìn chung chưa đảm bảo, vì chương trình và nội dung BD GV thường áp dụng chung trên phạm vi toàn quốc, các trường hầu như chỉ thực hiện một cách rập khuôn, không có sự sáng tạo cũng như không dựa vào nhu cầu BD của GV.

Ngoài ra, nhiều trường THPT còn coi nhẹ việc BD KN sư phạm cho GV; BD đổi mới phương pháp DH; BD nâng cao năng lực sử dụng CNTT trong DH và BD nâng cao năng lực sử dụng ngoại ngữ. Dưới đây là kết quả của một số nội dung BD mà các trường THPT đang áp dụng và chất lượng đạt được ở một số tiêu chí cơ bản: (xem bảng 1).

Bảng 1. Nội dung BD GV THPT

| TT | Nội dung BD | Mức độ thường xuyên | | | Mức độ chất lượng | | | |
|-----|--|---------------------|--------------|--------------|-------------------|------|------|-----|
| | | Không bao giờ | Thỉnh thoảng | Thường xuyên | T | K | TB | Y |
| 1 | <i>BD nâng cao nhận thức chính trị, phẩm chất, đạo đức nhà giáo</i> | | | | | | | |
| 1.1 | BD nâng cao nhận thức chính trị, kiến thức pháp luật | 1,6 | 30,1 | 68,4 | 26,1 | 53,4 | 18,3 | 2,2 |
| 1.2 | BD phẩm chất, đạo đức nhà giáo | 1,0 | 32,5 | 66,5 | 26,7 | 50,3 | 20,8 | 2,2 |
| 2 | <i>BD về kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm</i> | | | | | | | |
| 2.1 | BD các kiến thức khoa học cơ bản liên quan đến các môn học trong chương trình THPT | 2,9 | 33,9 | 63,2 | 22,6 | 50,2 | 24,6 | 2,5 |
| 2.2 | BD các kiến thức khoa học về nghiệp vụ sư phạm (TLH lứa tuổi; GDH và PPDH bộ môn) | 3,3 | 33,5 | 63,2 | 21,3 | 53,2 | 24,2 | 1,3 |
| 2.3 | BD các kiến thức phổ thông về chính trị, kinh tế, văn hóa xã hội, quản lí (QL) hành chính nhà nước, dân số, môi trường, ANQP, ATGT, y tế học đường | 2,7 | 34,2 | 63,1 | 21,6 | 52,0 | 24,8 | 1,7 |
| 3 | <i>BD KN sư phạm</i> | | | | | | | |
| 3.1 | KN lập kế hoạch DH, GD | 3,5 | 34,9 | 61,6 | 23,8 | 50,5 | 23,4 | 2,4 |
| 3.2 | KN tổ chức các hoạt động DH, GD | 2,8 | 34,0 | 63,2 | 21,7 | 52,2 | 23,0 | 3,0 |
| 3.3 | KN kiểm tra, đánh giá kết quả các hoạt động DH, GD | 1,1 | 36,1 | 62,8 | 22,2 | 52,8 | 21,5 | 3,6 |
| 3.4 | KN chủ nhiệm lớp | 1,3 | 35,9 | 62,8 | 20,9 | 50,1 | 25,3 | 3,6 |
| 3.5 | KN lập hồ sơ, tài liệu DH, GD | 0,5 | 46,8 | 52,7 | 19,5 | 63,5 | 16,5 | 0,5 |
| 3.6 | KN sử dụng hiệu quả các phương tiện, thiết bị DH | 0,7 | 45,7 | 53,6 | 19,9 | 61,9 | 17,9 | 0,4 |
| 4 | <i>BD đổi mới phương pháp DH</i> | | | | | | | |
| 4.1 | Đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức DH | 0,9 | 33,8 | 65,3 | 20,1 | 51,2 | 26,6 | 2,2 |
| 4.2 | Đổi mới phương tiện DH | 0,4 | 46,8 | 52,8 | 18,3 | 65,9 | 15,1 | 0,7 |
| 4.3 | Xây dựng môi trường học tập tích cực | 0,4 | 45,5 | 54,2 | 22,4 | 63,4 | 13,8 | 0,4 |
| 4.4 | Bồi dưỡng phương pháp và kĩ thuật đánh giá kết quả học tập | 0,5 | 46,1 | 53,4 | 20,8 | 65,7 | 12,8 | 0,7 |
| 5 | BD nâng cao năng lực sử dụng ngoại ngữ, CNTT | 2,1 | 47,8 | 50,1 | 14,4 | 66,3 | 17,7 | 1,6 |
| 6 | Nội dung BD khác thiết thực với hoạt động chuyên môn của bản thân | 2,1 | 94,5 | 3,4 | 4,3 | 90,3 | 5,4 | 0,0 |
| 7 | Nội dung BD phù hợp với mục tiêu đề ra | 2,1 | 89,0 | 8,9 | 4,3 | 92,4 | 3,3 | 0,0 |

* Trường Trung học phổ thông Long Phước, tỉnh Đồng Nai

1.2. Thực trạng về phương pháp BD GV THPT.

Hiện nay, phương pháp BD GV ở các trường THPT chủ yếu là thuyết trình. Người giảng tranh thủ truyền đạt thông tin, những vấn đề được tiếp thu ở Bộ GD-ĐT. Người nghe cố gắng ghi chép, thu nhận một cách thụ động. Bên cạnh đó, một số phương pháp khác cũng được sử dụng với kết quả như sau (xem *bảng 2*).

Bảng 2. Phương pháp BD GV THPT

| TT | Các phương pháp BD đã sử dụng | Mức độ thường xuyên | | | Hiệu quả đạt được | | |
|----|--|---------------------|--------------|--------------|-------------------|-------------|----------|
| | | Không bao giờ | Thỉnh thoảng | Thường xuyên | Không hiệu quả | Ít hiệu quả | Hiệu quả |
| 1 | Giảng dạy online | 10,5 | 59,4 | 30,1 | 9,4 | 58,3 | 32,3 |
| 2 | Giảng dạy lí thuyết trên lớp | 5,9 | 18,3 | 75,8 | 4,3 | 42,7 | 53,0 |
| 3 | Giảng dạy lí thuyết kết hợp với phát vấn, thảo luận, thực hành trên lớp | 2,2 | 19,6 | 78,2 | 3,2 | 39,0 | 57,8 |
| 4 | Giảng dạy lí thuyết, kết hợp với phát vấn, thảo luận trên lớp, tổ chức thực hành tại các cơ sở GD | 4,8 | 34,0 | 61,2 | 5,0 | 36,1 | 58,9 |
| 5 | Chỉ cung cấp tài liệu tự học | 9,0 | 32,1 | 58,9 | 8,2 | 50,9 | 40,8 |
| 6 | Cung cấp tài liệu tự học từ trước. Trên lớp, giảng viên hướng dẫn tìm hiểu và giải quyết các vấn đề mới và khó trong tài liệu BD | 6,6 | 40,5 | 52,9 | 5,5 | 45,4 | 49,1 |
| 7 | Tổ chức các hoạt động tại các cơ sở GD, hướng dẫn quan sát, đánh giá, rút kinh nghiệm | 6,1 | 40,0 | 53,9 | 6,7 | 41,9 | 51,4 |
| 8 | Phân nhóm, giao nhiệm vụ học tập và bố trí các nguồn lực cần thiết cho các nhóm làm việc, các nhóm báo cáo kết quả làm việc | 3,9 | 42,3 | 53,8 | 5,4 | 45,2 | 49,3 |
| 9 | Tổ chức các hoạt động BD sinh động và phù hợp | 0,7 | 90,6 | 8,7 | 8,1 | 81,8 | 10,2 |
| 10 | Giảng viên sử dụng có hiệu quả thiết bị nghe nhìn (máy tính, máy chiếu, phần mềm DH) | 0,0 | 96,6 | 3,4 | 8,7 | 82,6 | 8,8 |
| 11 | Giảng viên sử dụng thời gian BD hợp lí và hiệu quả | 0,0 | 94,1 | 5,9 | 7,6 | 82,6 | 9,8 |
| 12 | Phương pháp BD không đem lại hiệu quả đối với GVTHPT | 0,0 | 87,8 | 12,2 | 7,6 | 82,6 | 9,8 |
| 13 | Kết hợp các phương pháp nói trên | 0,9 | 51,7 | 47,4 | 4,5 | 45,6 | 50,0 |

Về mức độ hiệu quả, nhìn chung các lớp học vẫn tổ chức BD cho GV THPT hiệu quả một số phương pháp như: Phương pháp giảng dạy lí thuyết trên lớp; Giảng dạy lí thuyết kết hợp với phát vấn, thảo luận, thực hành trên lớp; Giảng dạy lí thuyết, kết hợp với phát vấn, thảo luận trên lớp, tổ chức thực hành tại các cơ sở GD; Cung cấp tài liệu tự học từ trước; Trên lớp, giảng viên hướng dẫn tìm hiểu và giải quyết các vấn đề mới và khó trong tài liệu BD; Tổ chức các hoạt động tại các cơ sở GD, hướng dẫn quan sát, đánh giá, rút kinh nghiệm; Phân nhóm, giao nhiệm vụ học tập và bố trí các nguồn lực cần thiết cho các nhóm làm việc, các nhóm báo cáo kết quả làm việc.

1.3. Thực trạng về các hình thức tổ chức BD hiện nay

1.3.1. Hình thức BD do Bộ GD-ĐT tổ chức. Đa số các ý kiến đều cho rằng, những hình thức tổ chức BD cho GV THPT hiện nay chưa thực sự đi vào chiều sâu (xem *bảng 3*).

Bảng 3. Hình thức tổ chức BDGVTHPT do Bộ GD-ĐT triển khai

| TT | Các hình thức tổ chức BD | Mức độ | | | |
|----|--|--------|------|------|-----|
| | | T | K | TB | Y |
| I | BD thường xuyên | | | | |
| 1 | Hình thức tự học kết hợp với sinh hoạt chuyên môn tại trường | 30,9 | 28,9 | 36,6 | 3,6 |
| 2 | Hình thức tập trung | 25,0 | 36,1 | 34,9 | 4,0 |
| 3 | Hình thức học qua mạng internet (online) | 14,1 | 28,7 | 48,3 | 8,9 |
| II | BD theo chuyên đề | | | | |
| 1 | Hình thức tự học kết hợp với sinh hoạt chuyên môn tại trường | 27,6 | 29,5 | 39,4 | 3,4 |
| 2 | Hình thức tập trung | 22,1 | 35,1 | 38,7 | 4,0 |
| 3 | Hình thức học qua mạng internet (online) | 12,7 | 27,7 | 50,7 | 8,9 |

Đa số các GV và CBQL trong điều tra nghiên cứu đều đánh giá chất lượng của các hình thức BD cho GV đạt ở mức trung bình, hình thức tổ chức BD của Bộ GD-ĐT thường áp dụng chung trên phạm vi toàn quốc. Tuy nhiên, nếu áp dụng trên từng địa phương cụ thể thì có thể hình thức BD của Bộ lại chưa phù hợp. Chẳng hạn, hình thức BD qua mạng internet nếu được triển khai tốt thì tính hiệu quả và chất lượng đạt được rất cao, tuy nhiên không phải GV nào cũng tiếp cận và sử dụng có hiệu quả CNTT.

1.3.2. Hình thức BD do Sở GD-ĐT tổ chức, mặc dù được áp dụng cụ thể theo đặc điểm của từng địa phương trong cả nước, tuy nhiên chất lượng của các hình thức BD này cũng chỉ đạt mức trung bình (xem *bảng 4*).

Bảng 4. Hình thức tổ chức BD GV THPT do Sở GD-ĐT triển khai

| TT | Các hình thức tổ chức BD | Mức độ | | | |
|-----|--|--------|------|------|-----|
| | | T | K | TB | Y |
| 1 | BD hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ năm học theo đặc thù của từng địa phương | | | | |
| 1 | Hình thức tự nghiên cứu tài liệu kết hợp với sinh hoạt chuyên môn tại trường | 25,4 | 33,5 | 39,7 | 1,4 |
| 2 | Hình thức tập trung | 26,7 | 37,0 | 33,3 | 3,0 |
| 3 | Hình thức học qua mạng internet (online) | 15,8 | 28,9 | 46,4 | 8,9 |
| 4 | Cử GV tham gia các đợt BD do Bộ, Sở tổ chức | 5,4 | 30,3 | 64,2 | 0,0 |
| 5 | Tổ/nhóm chuyên môn của nhà trường tổ chức | 5,9 | 29,9 | 63,0 | 1,2 |
| II | BD kiến thức về GD chính trị tư tưởng đạo đức nhà giáo hằng năm | | | | |
| 1 | Hình thức tự nghiên cứu tài liệu kết hợp với sinh hoạt chuyên môn tại trường | 31,3 | 29,8 | 37,5 | 1,4 |
| 2 | Hình thức tập trung | 30,3 | 33,6 | 33,6 | 2,5 |
| 3 | Hình thức học qua mạng internet (online) | 13,8 | 32,3 | 46,1 | 7,8 |
| III | BD kiến thức về lịch sử, văn hóa địa phương và tiếng dân tộc | | | | |
| 1 | Hình thức tự nghiên cứu tài liệu kết hợp với sinh hoạt chuyên môn tại trường | 24,7 | 26,3 | 46,7 | 2,3 |
| 2 | Hình thức tập trung | 23,7 | 29,7 | 43,7 | 2,9 |
| 3 | Hình thức học qua mạng internet (online) | 12,4 | 29,1 | 51,5 | 7,0 |
| 4 | GV tự BD | 2,1 | 2,2 | 94,0 | 1,7 |
| 5 | Hình thức khác | 2,1 | 6,0 | 91,9 | 0,0 |

Kết quả khảo sát ở bảng trên cho thấy, tỉ lệ mức độ tốt của các hình thức BD GV còn rất thấp, thậm chí có những hình thức được đánh giá ở mức tốt dao động từ 2-6%. Như vậy, rõ ràng hình thức tổ chức BD như hiện nay cũng cần được nghiên cứu để có những chương trình hành động cụ thể, phù hợp với mục tiêu, nội dung và phương pháp BD, đồng thời phù hợp với những nhu cầu và nguyện vọng cần được BD của GV THPT ở nước ta hiện nay.

2. Một số giải pháp BD GV THPT một số tỉnh phía Nam đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản và toàn diện GD phổ thông

2.1. Đổi mới mục tiêu, nội dung BD. Mục tiêu BD cần định hướng phát triển phẩm chất và năng lực nghề nghiệp của đội ngũ GV. Nội dung BD phải bám sát chuẩn năng lực nghề nghiệp GV, như vậy chuẩn nghề nghiệp là cơ sở cho việc lựa chọn nội dung BD. Việc lựa chọn nội dung BD phải dựa trên nhu cầu GV. Để đánh giá nhu cầu đó một cách khách quan, chính xác, cần đánh giá theo chuẩn nghề nghiệp dựa trên các minh chứng từ các nguồn khác nhau, trong đó đặc biệt là minh chứng do chính GV cung cấp.

Nội dung BD cần phân hóa theo nhu cầu của mỗi GV và phải bám sát chuẩn năng lực nghề nghiệp GV. Để BD GV hiệu quả nhất, cần kết hợp BD tập trung và BD tại chỗ, lấy đơn vị tập thể sư phạm từng trường làm nòng cốt - là đơn vị thao tác của hoạt động BD GV; thảo luận nhóm, tự nghiên cứu giải quyết vấn đề theo các bài tập, đề án, dự giờ rút kinh nghiệm,... là các phương pháp BD chủ yếu. Việc đánh giá hiệu quả BD GV phải tập trung vào đánh giá năng lực kết hợp với sự tiến bộ nghề nghiệp thông qua đánh giá trực tiếp hành vi tác nghiệp của mỗi GV và đánh giá tác động của những hành vi đó làm chuyển biến chất lượng GD học sinh.

Để khắc phục tính đại trà, Bộ GD-ĐT cũng cần có nghiên cứu, chọn lọc các nội dung cần BD, như BD những mặt còn yếu so với yêu cầu của xã hội (chẳng hạn: KN thực hành môn học, KN tổ chức các hoạt động GD của GV chủ nhiệm, GV kiêm nhiệm các hoạt động Đoàn, Đội,...), các đối tượng cần BD, kết quả cần đạt được và đánh giá, QL chất lượng như thế nào?... Cần lựa chọn những nội dung chương trình BD bám sát nhu cầu của GV, đáp ứng yêu cầu riêng của từng địa phương. Do đó, phải coi trọng chương trình BD từ cơ sở GD, dành những phần "mềm" khá rộng đáp ứng yêu cầu riêng của từng địa phương bên cạnh những phần "cứng" quy định chung của cả nước.

Việc xác định các nội dung cần BD phải phù hợp

với yêu cầu của xã hội và lựa chọn các đối tượng BD để bản thân họ vừa được nâng cao trình độ, vừa giải quyết được các nhiệm vụ cần thiết ở nhà trường đảm bảo yêu cầu của xã hội là điều rất cần thiết. Ví dụ, ở nhiều trường hiện còn đang thiếu GV thực hiện các hoạt động GD toàn diện (tổ chức các hoạt động ngoài giờ theo chủ đề; GD các KN cần thiết cho học sinh: biết tổ chức cuộc sống cá nhân một cách độc lập, biết hợp tác với mọi người xung quanh, xử lý các tình huống trong thực tiễn, biết đối mặt và có khả năng đương đầu với những thách thức của cuộc sống,...); đặc biệt là các chuyên gia tư vấn tâm lý học đường, nhưng thực tế không thể tăng biên chế. Vì thế, BD về KN sống, tâm lý học đường, tư vấn chọn nghề... là những đòi hỏi cấp bách.

2.2. Đổi mới phương pháp BD theo hướng tích cực và tương tác, coi trọng việc tự học, tự BD kết hợp với trao đổi thảo luận, giải đáp thắc mắc trên cơ sở mỗi người tham gia BD đều có tài liệu học tập; kết hợp BD về nội dung với BD về phương pháp DH, sử dụng thiết bị DH tiên tiến. GV được tạo điều kiện để tăng sự chuẩn bị: đọc trước tài liệu, viết nhận xét, góp ý và có những ý kiến đề xuất trước khi BD, tập huấn.

Phương pháp BD cần phù hợp với nội dung, đảm bảo yêu cầu nghiêm túc, hấp dẫn thiết thực, hiệu quả. Ngoài các hình thức nghe giảng, cần phát triển các hình thức thảo luận, đối thoại, thực hành, thao giảng, tham quan thực tế, thực hành, soạn bài, sử dụng và làm thiết bị DH, thiết kế kiểm tra, đánh giá theo hướng đổi mới. GV được tăng cường trao đổi với đồng nghiệp, với giảng viên, với học sinh trong nhóm nhỏ, trong lớp, trong hội nghị, hội thảo. GV thu được nhiều sản phẩm qua quá trình BD: thông tin phản hồi qua hoạt động tích cực, tương tác, tài liệu do GV biên soạn, các bộ tài liệu, tư liệu của giảng viên và đồng nghiệp. Ngoài ra GV được tăng cường thực hành thực tiễn, nhằm tăng hấp dẫn thiết thực, hiệu quả, phù hợp với điều kiện thực tế.

Cần tạo ra sự chuyển biến căn bản, từ học tập thụ động nghe giảng là chính sang tự học một cách chủ động với sự giúp đỡ của tài liệu và phương tiện nghe nhìn, kết hợp với làm việc theo nhóm đồng nghiệp; tạo điều kiện cho GV được đóng góp kinh nghiệm bản thân, xây dựng nội dung chương trình sát hợp với nhu cầu nâng cao chất lượng DH, GD của mình.

Cần vận dụng triệt để ưu thế của CNTT vào công tác BD, tận dụng website "Trường học kết nối" để triển khai thực hiện các hoạt động BD chuyên môn cho GV và CBQL. Kết hợp BD qua mạng internet với BD tập trung để trong cùng một thời điểm có thể

BD được một số lượng lớn người học, đặc biệt, người học được trực tiếp tương tác trao đổi, thảo luận, đặt ra những vấn đề vướng mắc với giảng viên thông qua hệ thống đường truyền internet.

Đổi mới cách thức QL, chỉ đạo học tập BD theo hướng thiết thực, hiệu quả. Chú trọng hình thức học tập BD theo tổ nhóm chuyên môn. Tổ chức QL việc tự học, tự BD theo đơn vị trường.

2.3. Đổi mới hình thức QL hoạt động BD. Trước yêu cầu đổi mới toàn diện của GD và đào tạo trong giai đoạn hiện nay, phương thức BD cho CBQL và GV cũng phải đổi mới để phù hợp với điều kiện mới và khắc phục những hạn chế nhằm nâng cao hiệu quả công tác BD GV.

Hiệu trưởng nhà trường cần nâng cao năng lực QL, chỉ đạo để QL theo dõi, nắm bắt nhu cầu, lựa chọn nội dung, điều kiện tổ chức, thực hiện hoạt động BD ở trường mình một cách hiệu quả; gương mẫu, đi đầu trong việc tự BD và đổi mới hình thức, phương thức BD.

Vì đối tượng BD là GV, do đó cần tăng cường tổ chức hoạt động, trao đổi rút kinh nghiệm trong việc tổ chức học sinh sao cho mang lại hiệu quả tốt nhất, thay vì là sự giảng dạy của các chuyên gia và nghe giảng... của học viên. Phải có biện pháp QL chất lượng BD (đối với cả chuyên gia và học viên), tránh BD một cách hình thức. Phương thức tổ chức BD phải đảm bảo đủ các tri thức khoa học cần thiết tương ứng với thời gian BD. Sau BD, cần đánh giá nghiêm túc, cấp chứng chỉ và quy định thời hạn giá trị của chứng chỉ. Những GV có chứng chỉ được hưởng các quyền lợi ưu tiên trong quy định của ngành. Đa dạng hóa các hình thức BD; Kết hợp BD trong hè với tự BD trong năm học.

Hoạt động BD phải được hoạch định về kế hoạch, mục tiêu, nội dung, phương thức tổ chức, các điều kiện đảm bảo triển khai hiệu quả. Đó là những hành vi QL phải được phân cấp trong hệ thống GD. Vấn đề đội ngũ GV phải được giải quyết theo kế hoạch hóa ở cấp quốc gia, vì vậy hoạt động BD GV phải được QL từ Trung ương đến tỉnh, huyện, trường học. Trong các cấp QL đó thì Trung ương có vai trò đề xuất chủ trương hoạch định chính sách chiến lược, kiểm tra, đánh giá; các tỉnh, huyện là cấp trung gian; các trường học là cấp QL thao tác - cấp "đốc công", theo sát hoạt động thường xuyên của công tác BD GV THPT. Nếu lấy hoạt động nghiên cứu bài học là đơn vị hành động BD GV tích hợp được nhiều mục đích, nhiều nội dung và phương pháp BD GV thì cần có giải pháp kiện toàn năng lực hiệu trưởng, tổ trưởng chuyên môn và

xây dựng GV cốt cán môn học; đơn vị trường học sẽ là nơi nghiên cứu đề xuất nhu cầu BD, đánh giá hiệu quả BD dựa trên chuyển biến tích cực ở người học.

GV là nhân tố quyết định chất lượng GD. Công tác BD GV THPT cần được chỉ đạo và triển khai thực hiện phù hợp với đặc điểm KT-XH của địa phương và vùng miền. Mục tiêu, nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức hoạt động BD GV THPT cần phải được các cấp, các ngành chịu trách nhiệm QL hoạt động này nghiên cứu, tìm ra những giải pháp phù hợp với thực tiễn và nhất là điều kiện triển khai hoạt động BD sát hợp với nhu cầu và năng lực nhận thức của GV THPT hiện nay. □

Tài liệu tham khảo

1. Đặng Quốc Bảo - Nguyễn Đắc Hưng. **Giáo dục Việt Nam hướng tới tương lai - vấn đề và giải pháp.** NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật, H. 2004.
2. Bộ GD-ĐT. **Quyết định số 22/2006/QĐ-BGDĐT ngày 12/5/2006 về việc bồi dưỡng, sử dụng nhà giáo chưa đạt chuẩn.**
3. Nguyễn Minh Đường (chủ biên). **Bồi dưỡng và đào tạo lại đội ngũ nhân lực trong điều kiện mới.** NXB Thống kê, H. 2002.
4. Trần Khánh Đức. **Giáo dục và phát triển nguồn nhân lực trong thế kỉ XXI.** NXB Giáo dục Việt Nam, H. 2014.
5. Phạm Minh Hạc. **Nghiên cứu con người và nguồn nhân lực đi vào công nghiệp hóa, hiện đại hóa.** NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật, H. 2001.

KÍNH MỜI BẠN ĐỌC ĐẶT MUA TẠP CHÍ GIÁO DỤC NĂM 2016

Tạp chí Giáo dục ra 1 tháng 2 kì, đặt mua thuận tiện tại các bưu cục địa phương (**Mã số C192**) hoặc đặt mua trực tiếp tại Tòa soạn (số lượng lớn) theo địa chỉ: **TẠP CHÍ GIÁO DỤC, 4 Trинh Hoài Đức, quận Đống Đa, Hà Nội.**

Kính mời bạn đọc, các đơn vị giáo dục, trường học đặt mua **Tạp chí Giáo dục năm 2016.** Mọi liên hệ xin gửi về địa chỉ trên hoặc liên lạc qua số điện thoại: 04.37345363; Fax: 04.37345363.

Xin trân trọng cảm ơn.

TẠP CHÍ GIÁO DỤC